

Bản án số: 11/2021/HSST

Ngày: 16-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ- tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khoa- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2021/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 tại huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị T (đã chết); vợ Bùi Thị L (đã ly hôn) có hai con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 47/1997/HSST ngày 13/11/1997, TAND huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tại bản án số 13/1999/HSST ngày 28/5/1999, TAND huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại bản án số 16/2000/HSST ngày 25/7/2000, TAND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 30 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”; Tại bản án số 389/2004/HSPT ngày 24/3/2004, TATC Tòa phúc thẩm tại Hà Nội bác kháng cáo, giữ nguyên hình phạt tại bản án sơ thẩm số 343/2003/HSST ngày 14/11/2003 của TAND thành phố Hải Phòng, giữ nguyên mức hình phạt 07 năm tù về tội “Hiếp dâm”; (*Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2009*); Tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 15-01-2021 đến nay (*hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Hải Dương*). Có mặt.

Bị hại: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Thế N, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn ..., xã T, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Người làm chứng:

Cháu Phan Hoàng H, sinh năm 2011; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Người giám hộ của cháu H: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng.

(Chị N, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, những người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T có mối quan hệ tình cảm với chị Phạm Thị N, trước đó T thường hay đến nhà chị N ăn uống, sinh hoạt. Do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà chị N. Khoảng 22 giờ ngày 23/12/2020 T đi xe ô tô từ nhà đến nhà chị N và lắp vào sau tường bao trước nhà. Khoảng 15 phút sau chị N đi ô tô về mở cổng, đi xe vào sân đỗ, T đi sau xe ô tô lên vào trong nhà lên giường cháu Phan Hoàng H (con trai chị N) đang ngủ ở góc phòng khách nằm cùng cháu H. Khoảng 4 giờ sáng ngày 24/12/2020 chị N dậy điều khiển xe ô tô đi chợ, lúc này T dậy rút dây nguồn Camera ở đầu giường để Camera không ghi được hình ảnh của T, sau đó tiếp tục lên giường nằm ngủ, sáng cùng ngày T nói chuyện với cháu H, quá trình nói chuyện T bảo cháu H đưa chìa khóa cổng cho T, cháu Hải đồng ý. T dùng tay tháo chìa khóa cháu H đang đeo ở cổ. Đến khoảng 7 giờ cùng ngày cháu H đi học, T ở nhà một mình lấy chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen nắp sim số 0358129701 để ở trên giường của chị N đút vào túi quần đang mặc, T rút dây nguồn tivi, rút dây cắm vào đầu thu rồi bê tivi nhãn hiệu Samsung màu đen 55inch ở kệ tại phòng khách ra xe bò tự chế của nhà chị N ở góc sân, lấy túi nilong và thùng xốp đặt tivi để không ai phát hiện. Sau đó T kéo xe bò tự chế ra cổng, khóa cổng, vắt chìa khóa vào trong sân, tiếp tục kéo xe ba gác chở tivi trộm cắp đến thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng rồi bán xe ba gác cho một người phụ nữ không rõ tên, địa chỉ được 300.000 đồng, còn tivi T thuê xe taxi chở đến nhà anh Vũ Thế N, nói với anh N đây là tivi của gia đình T, sau đó bán cho anh N được 5.000.000 đồng lấy tiền chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 15/01/2021 T đến Công an huyện Tứ Kỳ đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp: 01 sim điện thoại số 0358.129.701; 01 điện thoại di động Samsung màu đen, loại Galaxy A10 và số tiền 1.500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-ĐGTS ngày 15-01- 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Tứ Kỳ kết luận: Chiếc tivi Samsung màu đen, loại 55inch có trị giá 6.000.000 đồng; 01 xe ba gác tự chế bằng kim loại, xe có 03 bánh có trị giá 450.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, loại 105 có trị giá là 100.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 6.550.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT- VKSTK ngày 29 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Tứ Kỳ truy tố Nguyễn Văn T về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ là đúng, bị cáo xác định ngày 24/12/2020 đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc tivi Samsung màu đen; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, loại 105 kèm theo sim; 01 xe tự chế bằng kim loại, xe có 03 bánh.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Phạm Thị N trình bày: Chiếc tivi Samsung màu đen; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, loại 105 kèm theo sim bị cáo T chiếm đoạt chị đã nhận lại; đối với 01 xe tự chế bằng kim loại, xe có 03 bánh bị cáo T chiếm đoạt của chị, T đã bán cho người khác không thu hồi được, chị tự nguyện không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường trị giá chiếc xe trên, chị cho T số tiền bán chiếc xe trên.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Vũ Thế N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Đối với số tiền 5.000.000 đồng anh mua chiếc tivi Samsung màu đen của T khi mua anh không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có, chiếc tivi này anh đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ để trả lại cho chủ sở hữu, số tiền trên anh cho Tuấn không yêu cầu T phải trả.

VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS; Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 15-01-2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không không đặt ra giải quyết; Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 24-12-2020 tại gia đình chị Phạm Thị N ở thôn A, xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc tivi nhãn hiệu Samsung 55inch, 01 điện thoại Nokia 105 kèm sim và 01 xe ba gác tự chế bằng kim loại. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 6.550.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật song vẫn cố ý thực hiện, tài sản bị cáo chiếm đoạt là 6.550.000 đồng là trái pháp luật. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Như vậy, VKSND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, một khách thể được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự nên cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[5] Về nhân thân, về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 1997 đã bị Tòa án xét xử về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; năm 1999, 2000 đã bị Tòa án xét xử về tội "Trộm cắp tài sản"; năm 2003 bị Tòa án xét xử về tội "Hiếp dâm"; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có anh trai là Liệt sỹ, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với chiếc xe ba gác tự chế T đã bán cho người phụ nữ không thu hồi được, chị N tự nguyện (cho) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Ngày 08/4/2021 anh N có đơn tự nguyện cho T số tiền 5.000.000 đồng mà anh đã mua tivi của T, nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ đã trả chiếc tivi Samsung 55inch, 01 điện thoại Nokia 105 kèm sim cho chị N là đúng pháp luật. Đối với chiếc xe ba gác tự chế T đã bán cho người phụ nữ không rõ tên tuổi địa chỉ nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ không thu hồi được. Đối với số tiền 1.500.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A10 (đây là các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội tại thành phố Hải Phòng), cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ đã gửi vào tài khoản tạm gửi tại không bạc nhà nước huyện Tứ Kỳ, nhập kho vật chứng chờ xử lý.

[10] Trong vụ án này, anh Vũ Thế N mua tivi của T không biết tài sản do phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự; Người phụ nữ mua xe ba gác không rõ tên, tuổi, địa chỉ ở đâu nên không có căn cứ xác minh để xử lý.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản ngày 24/12/2020 tại nhà chị N ở thôn A, xã N, huyện Tứ Kỳ sau đó T còn thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A10 và 01 xe mô tô tại huyện T và huyện A đều thuộc thành phố Hải Phòng. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ thông báo, trao đổi cho Cơ quan CSĐT Công an huyện A và Cơ quan CSĐT Công an huyện T biết để giải quyết nguồn tin theo thẩm quyền.

[11] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 15-01-2021.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan Thi hành án HS - Công an huyện Tứ Kỳ;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ - Công an huyện Tứ Kỳ;
- Trại tạm giam;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Tú